

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2022/HS-ST

Ngày: 28-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 233/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01 tháng 9 năm 1996, tại Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: 916, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Tuệ, sinh năm 1968 (còn sống); Họ và tên mẹ: Lê Thị H, sinh năm 1974 (còn sống); Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 04 chị em; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1997 và có 02 người con (con lớn nhất sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Ngày 29/6/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 01 năm tù giam về tội “Buôn bán hàng cấm” theo bản án Hình sự sơ thẩm số 114/2022/HS-ST, bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên bị cáo chưa thi hành). Hiện bị cáo đang tại ngoại. (Bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Anh Q; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 07 tháng 9 năm 1999, tại Phú Yên; Nơi cư trú: 486E/2, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 17B/11, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Họ và tên cha: Nguyễn T, sinh năm 1968 (còn sống); Họ và tên mẹ: Trần Thị H, sinh

năm 1973 (còn sống); Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em, và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2021 đến ngày 23 tháng 02 năm 2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (Bị cáo có mặt).

3. Họ và tên: Trịnh Gia T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06 tháng 4 năm 1998, tại thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 469B/2, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: số 486E/2, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Họ và tên cha: Trịnh H, sinh năm 1964 (còn sống); Họ và tên mẹ: Nguyễn H, sinh năm 1971 (còn sống); Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 02 anh em và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2021 đến ngày 26 tháng 12 năm 2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (Bị cáo có mặt).

* **Người bào chữa của bị cáo T:** Luật sư Võ Tấn L – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị H, sinh năm: 1974.

Nơi ở hiện nay: Số 99, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh Q là người làm thuê cho Trịnh Gia T. Q được T cho ở tại nhà của T địa chỉ số 486/E2, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vào ngày 15 tháng 12 năm 2021, T lên mạng xã hội tìm hiểu tài khoản facebook có tên là “Pháo hoa toàn Q giá rẻ” thì thấy dưới phần bình luận có tài khoản facebook là “Trần Công Minh” hỏi mua pháo nổ nên T nảy sinh ý định đặt mua pháo nổ trên mạng để bán lại cho người này kiếm lời. Thực hiện ý định trên, T dùng tài khoản facebook của T tên “Nguyễn T” trao đổi về việc mua bán pháo nổ thì được người đàn ông có tài khoản “Trần Công Minh” nêu trên, đặt mua của T số lượng 20 hộp pháo nổ với giá 1.150.000 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng)/01 hộp, T đồng ý. Sau đó, cùng ngày T sử dụng mạng xã hội Facebook đặt mua 20 hộp pháo nổ của một người có tên tài khoản facebook là “Pháo hoa toàn Q giá rẻ” trên, với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 hộp và hẹn địa điểm nhận pháo, thanh toán tiền mặt tại khu vực cây xăng 55555 thuộc xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Sau đó, đến khoảng 08 giờ 20 phút ngày 17 tháng 12 năm 2021, sau khi nhận 20 hộp pháo nổ trên (được đựng trong 01 bao tải màu vàng) từ

người đàn ông phụ xe (không rõ họ tên và địa chỉ) trên chiếc xe khách loại 52 chỗ (không nhớ biển số xe), T sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest biển số 60A-617.30 chở toàn bộ số pháo trên đến nhà của Trịnh Gia T tại địa chỉ số 486/E2, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giao cho Q cất giữ để giao cho khách hàng của T, đồng thời nhờ Q khi giao pháo thì nhận giữ T số tiền từ người mua pháo thanh toán là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), Q đồng ý.

Ngay sau khi nhận số pháo trên và T dời đi thì Q nói lại cho T biết việc T có để nhờ pháo nổ trong nhà mình thì T không có ý kiến gì mà chỉ nói với Q là “Sao nguy hiểm vậy”. Đến 09 giờ 50 phút cùng ngày, Nguyễn Anh Q và Trịnh Gia T bị Công an thành phố B kiểm tra, phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 20 hộp pháo nổ (loại 49 ống/hộp, ký hiệu 5049). Quá trình bị bắt quả tang, Q tự nguyện giao nộp thêm 03 hộp pháo nổ loại 49 ống/hộp (gồm: 01 hộp ký hiệu 5049 và 02 hộp ký hiệu A8411) đã mua của T trước đó khoảng 03 ngày với mục đích để bán lại kiếm lời. Ngày 24 tháng 12 năm 2021, Q và T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố. Riêng T đến ngày 22 tháng 02 năm 2022, sau khi bị Công an huyện Nhơn Trạch bắt về hành vi buôn bán hàng cấm, T đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố, điều tra xử lý.

Vật chứng vụ án gồm:

- 20 hộp pháo nổ loại 49 ống/hộp (ký hiệu 5049) thu giữ của các bị cáo Trịnh Gia T và Nguyễn Anh Q;

- 03 hộp pháo nổ loại 49 ống/hộp (gồm: 01 hộp ký hiệu 5049 và 02 hộp ký hiệu A8411), thu giữ của bị cáo Nguyễn Anh Q;

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi màu đen (số IMEI: 8652.3305.9313.9581.78) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu xanh (số IMEI: 8691.5005.1775.4951.01) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng (số IMEI: 3557.3707.6150.687) là tài sản của bị cáo Q, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị cáo Q;

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu xanh (số IMEI: 3538.9810.7872.764) là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị cáo T.

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest biển số 60A-617.30, bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội, là xe của bà Lê Thị H (mẹ ruột của bị cáo T) cho bị cáo T mượn để đi lại, bà H không biết bị cáo T sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe này cho bà H.

Tại bản Kết luận giám định số 247/C09B ngày 21/12/2021 của Phân Viện khoa học Hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Tất cả mẫu vật gửi giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Có tổng khối lượng là 37kg”;

Tại bản Kết luận giám định số 1878/KL-KTHS ngày 06/04/2022 của Phân Viện khoa học Hình sự Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“- 20 (hai mươi) hộp pháo nổ loại 49 ống, tạm giữ tại nhà Trịnh Gia T gửi giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Có tổng khối lượng là 32,3kg.

- 03 (ba) hộp pháo nổ loại 49 ống, tạm giữ của Nguyễn Anh Q giao nộp gửi giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Có tổng khối lượng là 4,7kg”.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã nhận tội theo như nội dung cáo trạng mô tả và không có ý kiến hay khiếu nại kết luận giám định nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo và không có ý kiến về kết luận giám định.

Tại Bản cáo trạng số 253/CT-VKSBH ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh Q về tội: “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trịnh Gia T về tội: “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Anh Q mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trịnh Gia T số tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo nổ còn lại sau khi giám định.

Đối với các đối tượng có tên tài khoản Facebook “Trần Công Minh” và “Pháo hoa toàn Q giá rẻ”, hiện không xác định được họ tên và địa chỉ của chủ tài khoản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Người bào chữa của bị cáo T: Luật sư Võ Tấn L – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai trình bày: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo T. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo T đã thật sự nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật

của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây cũng là bài học lớn cho bị cáo say này. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức phạt tiền thấp nhất trong khung hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã biết lỗi và rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

Ngày 13/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị xét xử vắng mặt và tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Ngày 29/6/2022, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 01 năm tù giam về tội “Buôn bán hàng cấm” theo bản án Hình sự sơ thẩm số 114/2022/HS-ST, do bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt trong bản án này.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Anh Q và Trịnh Gia T đã khai nhận: Vào khoảng 09 giờ 50 phút ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại nhà của Trịnh Gia T địa chỉ số 486/E2, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn T, Nguyễn Anh Q đã có hành vi cất giữ 20 hộp pháo nổ loại 49 ống/hộp, có tổng khối lượng 32,3 Kilôgam để bán lại cho người khác kiếm lời thì bị phát hiện, bắt quả tang. Đồng thời thu giữ thêm của Q 03 hộp pháo nổ loại 49 ống/hộp, có tổng khối lượng 4,7 Kilôgam, do Q mua của T trước đó và cất giữ trong nhà của T để nhằm mục đích bán lại kiếm lời. Bị cáo T có hành vi để cho Q cất giữ 20 hộp pháo nổ loại 49 ống/hộp, có tổng khối lượng 32,3 Kilôgam trong nhà mình, bị cáo T không biết được mục đích cất giữ số pháo trên là để bán lại cho người khác kiếm lời. Riêng đối với 03 hộp pháo nổ (có tổng khối lượng 4,7 Kilôgam) bị cáo T không biết bị cáo Q có cất giữ trong nhà mình. Đến ngày 24/12/2021 và ngày 22/02/2022, T, Q và T đã bị khởi tố, điều tra xử lý. Lời khai nhận của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh Q phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Trịnh Gia T phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1

Điều 191 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng số 253/CT-VKSBH ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và chính sách quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại. Bản thân các bị cáo biết rõ việc buôn bán và vận chuyển hàng cấm bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn vi phạm. Vì vậy, cần thiết xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Vai trò của bị cáo T và Q về hành vi “Buôn bán hàng cấm”:

+ Bị cáo T là người trực tiếp liên hệ mua tổng số 23 hộp pháo nổ, có tổng khối lượng là 37 Kilôgam, trong đó bán cho bị cáo Q 03 hộp (có tổng khối lượng 4,7 Kilôgam) và giao cho bị cáo Q 20 hộp pháo nổ (có tổng khối lượng 32,3 Kilôgam) để giao cho người mua. Do đó, bị cáo T là đồng phạm giữ vai trò chính trong vụ án;

+ Bị cáo Q là người trực tiếp mua 03 hộp pháo nổ nêu trên, của bị cáo T nhằm mục đích để bán kiếm lời, đồng thời bị cáo Q là người trực tiếp nhận 20 hộp pháo nổ (có tổng khối lượng 32,3 Kilôgam) từ bị cáo T để giúp sức cho bị cáo T bán cho người khác kiếm lời. Do đó, bị cáo Q là đồng phạm trong vụ án.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T và Q: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo T có ông ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Anh Q có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, gia đình bị cáo có công với cách mạng (cụ ngoại của bị cáo Q là Bà mẹ Việt Nam anh hùng) đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo là đồng phạm tham gia vụ án này, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, thời gian được tại ngoại bị cáo đều chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm của mình và khắc phục, sửa chữa. Xét thấy bị cáo Q có khả năng tự cải tạo, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo Q được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách vừa tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo bản thân để trở thành công dân tốt, vừa thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Thời gian được tại ngoại bị cáo đều chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, bị cáo cũng đã thực sự nhận ra lỗi lầm của mình và khắc phục, sửa chữa. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 4 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo T và Q còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Theo khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo T còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T theo Điều 32 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với số pháo nổ còn lại sau giám định là vật thuộc Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy, căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Redmi màu đen (số IMEI: 8652.3305.9313.9581.78); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu xanh (số IMEI: 8691.5005.1775.4951.01) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng (số IMEI: 3557.3707.6150.687) là tài sản của bị cáo Q, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị cáo Q là phù hợp;

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu xanh (số IMEI: 3538.9810.7872.764) là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho bị cáo T là phù hợp;

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest biển số 60A-617.30, bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội, là xe của bà Lê Thị H (mẹ ruột của bị cáo T) cho bị cáo T mượn để đi lại, bà H không biết bị cáo T sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe này cho bà H là phù hợp.

Đối với các đối tượng có tên tài khoản Facebook “Trần Công Minh” và “Pháo hoa toàn Q giá rẻ”, hiện không xác định được họ tên và địa chỉ của chủ tài khoản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Q Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời bào chữa của Người bào chữa của bị cáo T là Luật sư Võ Tấn L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh Q** phạm tội **“Buôn bán hàng cấm”**;

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** mức án: **03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung đối với bị cáo T số tiền **20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)**.

+ Áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Anh Q** mức án: **02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/7/2022). Phạt bổ sung đối với bị cáo Q số tiền **20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)**.

Giao bị cáo Nguyễn Anh Q cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

H quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định.

Theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự 2019: Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã,

đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tuyên bố các bị cáo **Trịnh Gia T** phạm tội “**Tàng trữ hàng cấm**”. Xử phạt bị cáo **Trịnh Gia T** số tiền **120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)**.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo nổ còn lại sau giám định. (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 4450/QĐ-VKSBH ngày 24/5/2022 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/7/2022).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (4);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương